TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/DS-ST
Ngày: 14-9-2022
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hồ Thị Miên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cao

2. Ông V Văn Hoàng

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Quyền – Thư ký Toà án nhân dân huyện B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 237/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Công ty Trách nhiệm hữu hạn S; Địa chỉ: Số 1707 Quốc lộ 1A, phường A, Quận 12, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Chen, C, Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Minh T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số 1707 Quốc lộ 1A, phường A, Quận 12, Thành phố H. (Giấy ủy quyền ngày 30/6/2020).

2. ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 166 N, khu phố 2, huyện B, tỉnh L.

3. ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

3.1. Ông Cao Lê Tuấn V, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 60/25U đường P, Phường 14, quận G, Thành phố H.

3.2. Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1988; Địa chỉ: 54/48 đường TX22, khu phố 1, phường T, Quận 12, Thành phố H.

3.3. Ông Vũ Văn K, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số 50/38/15 TL 29, phường T, Quận 12, Thành phố H.

(Ông T, ông T1 có mặt, ông V, ông P và ông K có yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 02-7-2020 và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nhuyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn S là Ông Huỳnh Minh T trình bày:

Ông Nguyễn Văn T1 vào làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn S (gọi tắt là Công ty) từ ngày 02-7-2014. Trong quá trình làm việc với vị trí là Nhân viên bán hàng trái cây, ông T1 đã thực hiện việc bán hàng cho khách hàng nhưng không giao tiền bán được lại cho Công ty với số tiền 122.850.000 đồng. Do ông T1 gây thiệt hại cho Công ty nên Công ty đã quyết định sa thải ông T1 vào ngày 30-8-2019. Đến nay ông T1 vẫn chưa khắc phục được thiệt hại với số tiền trên. Nay Công ty yêu cầu ông T1 phải hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn S số tiền 122.850.000 đồng. Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Đối với ý kiến của ông T1 về việc xác định số nợ 122.850.000 đồng là nợ chung của 4 người trong tổ trái cây thì ông T không đồng ý. Vì trong tổ trái cây có 4 người gồm ông T1 và ba người khác là ông P, ông K, ông V cùng được giao nhiệm vụ nhận hàng, giao hàng và thu tiền sau đó nộp lại công ty. Mỗi người đều có công nợ riêng biệt và đã được Công ty xử lý riêng từng người. Trong đó ông V nợ công ty 43.750.000 đồng và đã được Tòa án nhân dân quận G, Thành phố H giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận ngày 17-7-2019; Công ty đang khởi kiện ông P và đang được Tòa án nhận dân Quận 12, Thành phố H thụ lý giải quyết đối với số tiền nợ 271.880.000 đồng; Ông K nợ 51.050.000 đồng và tự thương lượng giải quyết với Công ty xong. Còn ông T1 theo Bảng công nợ tính đến ngày 27-7-2019 ông T1 ký tên xác nhận số Công nợ là 139.850.000 đồng, ngày 09-8-2019 ông T1 trả lại Công ty được 17.000.000 đồng nên còn nợ lại 122.850.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Ông T1 thừa nhận mình là nhân viên Công ty từ năm 2014 với vị trí Nhân viên bán trái cây, đến tháng 8-2019 thì bị Công ty sa thải. Ông ký tên trên bảng Doanh số bán hàng từ ngày 01 đến ngày 27-7-2019 (gọi tắt là Bảng Doanh số bán hàng) với số tiền ông nợ công ty là 139.850.000 đồng nhưng ông có ghi chú là Vựa Trái cây H đang nợ 120.000.000 đồng. Ngày 09-8-2019 ông trả cho Công ty 17.000.000 đồng (là số tiền ông P đưa cho ông) nên số tiền còn nợ lại theo bảng công nợ là 122.850.000 đồng.

Ông thừa nhận các chủ Vựa trái cây trong Bảng Doanh số bán hàng liệt kê đã thanh toán xong nên không còn nợ Công ty, thực tế số tiền 122.850.000 đồng là số tiền hàng trái cây đã giao cho Vựa Trái cây H nhưng chủ Vựa Trái cây H không đồng ý trả vì cho rằng ông Phan Văn T2 – nhân viên của Vựa trái cây H tự nhận hàng và bán bên ngoài mà không thông qua chủ. Do không thu hồi được

nợ từ Vựa Trái cây H, 4 người trong tổ trái cây sợ Công ty cho thôi việc nên thỏa thuận lấy tiền hàng của khách hàng sau thanh toán cho số nợ này và không báo lại cho Công ty. Từ năm 2018 Công ty yêu cầu phân tách công nợ của riêng từng người để dễ quản lý nhưng trên thực tế 04 người trong tổ vẫn làm việc chung như cũ, và thỏa thuận khi báo công nợ thì mỗi người chịu trách nhiệm gánh công nợ 1/4 trên tổng số tiền 122.850.000 đồng nợ của Vựa Trái cây H và ông tin tưởng đồng nghiệp nên ký tên vào Bảng Doanh số bán hàng của mình mà không biết các đồng nghiệp để toàn bộ số nợ 122.850.000 đồng cho ông. Đến ngày 23-8-2019 Công ty lập Biên bản xử lý vi phạm kỷ luật lao động thì ông mới phát hiện ra và đã trình bày sự việc trong Biên bản rằng đây là nợ của Vựa Trái cây H là trách nhiệm của 04 người nhưng công ty không xác minh làm rõ mà xử lý kỷ luật ông bằng hình thức sa thải.

Ông xác định toàn bộ số công nợ 122.850.000 đồng này đều là công nợ của Vựa Trái cây H do ông Phan Văn T2 đã chiếm đoạt. Ông không chiếm dụng tiền hàng của Công ty nên ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Công ty. Ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện B xác định Chủ Vựa Trái cây H - ông Lê Tuấn T3 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và triệu tập ông K, ông V, ông P và ông để tiến hành đối chất làm rõ trách nhiệm trả số nợ này cho Công ty.

Trong bản tự khai ngày 21/01/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Lê Tuấn V trình bày: Trước đây ông có làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn S chung tổ trái cây với ông T1, ông P, ông K. Đối với số tiền 122.850.000 đồng Công ty yêu cầu ông T1 trả không liên quan đến ông vì ông đã nghỉ việc tại Công ty từ tháng 4/2019. Khi nghỉ việc ông đã thanh toán xong với công ty. Quá trình làm việc mỗi người tự lên đơn hàng, tự giao hàng và tự thu tiền đơn hàng của người đó nên mỗi người tự chịu trách nhiệm với đơn hàng của mình. Vì vậy, ông không có liên quan và không yêu cầu gì trong vụ án. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông trong suốt quá trình tố tụng.

Trong bản tự khai ngày 23/6/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn P trình bày: Ông làm việc trong tổ trái cây cùng ông T1, ông V, ông K tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn S. Đối với số tiền Công ty kiện đòi ông T1 không liên quan đến ông vì phần nợ tiền Công ty là của từng cá nhân, Công ty đã phân riêng cho mỗi người, phần của người nào thì người đó tự chịu trách nhiệm. Trong quá trình làm việc, mỗi người có sổ sách riêng, công nợ riêng biệt và tự chịu trách nhiệm về phần của mình. Ông yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Trong bản tự khai ngày 25/8/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn K trình bày: Đối với số tiền 122.850.000 đồng Công ty Trách nhiệm hữu hạn S yêu cầu ông T1 trả không có liên quan đến ông. Ông không yêu cầu gì trong vụ án và xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Tại phiên toà, đại diện của nguyên đơn và ông T1 vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu như đã trình bày.

Các đương sự thống nhất cam kết ngoài những chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, thì không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác tại thời điểm hiện tại cho đến khi Tòa án xét xử ở các cấp. Đồng thời, cũng không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm những người khác tham gia tố tụng trong vụ án này.

Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phát biểu quan điểm như sau:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự có mặt đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Theo Bảng doanh số bán hàng từ ngày 01 đến ngày 27-7-2019 ông T1 nợ công ty là 139.850.000 đồng, ông T1 có ký tên trong bảng kê công nợ này. Sau đó ông có trả lại Công ty 17.000.000 đồng. Do đó, theo bảng công nợ thì ông còn nợ 122.850.000 đồng. Công ty khởi kiện ông T1 trả số tiền 122.850.000 đồng này. Xét thấy, ông T1 thừa nhận chữ ký của mình trong Bảng Doanh số bán hàng và xác định những chủ vựa trái cây trong bảng công nợ đã thanh toán tiền hàng nên có cơ sở xác định số tiền ông T1 nợ công ty là 122.850.000 đồng. Ông T1 cho rằng đây là số nợ của Vựa Trái cây H và là nợ chung của cả tổ trái cây nhưng không có chứng cứ chứng minh. Tại biên bản lấy lời khai ngày 19-7-2022 và tại phiên toà thì ông T1 cũng thừa nhận không có chứng cứ chứng minh số nợ 122.850.000đ là của Vựa Trái cây H vì không có biên nhận hàng, P, V giao trực tiếp cho T2, T2 chiếm đoạt tiền hàng mà không thanh toán. Ông K, ông P và ông V không thừa nhận có liên quan đối với số tiền này, quá trình làm việc mọi người tự lên đơn hàng, tự giao hàng và tự thu tiền đơn hàng của mình nên mỗi người tự chịu trách nhiệm với đơn hàng của mình. Mặc khác, Công ty xác định công nợ của 4 người này là riêng biệt và công ty đã xử lý riêng đối với ông K, ông V, ông P; Ông T1 không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có cơ sở.

Từ những điều trên trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn S yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 phải hoàn trả cho Công ty số tiền 122.850.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền, phạm vi giải quyết và thủ tục tố tụng:

[1] Công ty Trách nhiệm hữu hạn S khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn T1 trả số tiền 122.850.000 đồng do bán hàng nhưng không giao nộp tiền hàng nên quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Đòi tài sản". Tuy nhiên, trong quá trình thụ lý và giải quyết với quan hệ tranh chấp "Bồi thường thiệt hại về tài sản" là chưa chính xác nên điều chỉnh lại quan hệ tranh chấp cho phù hợp. Căn cứ khoản

2 Điều 26, điểm a, khoản 1, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Theo Đơn khởi kiện, ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn S yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 trả số tiền 122.850.000 đồng, ngoài ra không còn yêu cầu nào khác. Bị đơn không có yêu cầu phản tố và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 200 và khoản 2 Điều 201 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Ông T1 yêu cầu triệu tập ông Lê Tuấn T3 - Chủ Vựa Trái cây H tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng ông T1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh mối liên quan của Vựa Trái cây H trong vụ án. Hơn nữa, ông T1 cũng xác định người nợ tiền hàng là ông Phan Văn T2 chứ không phải Chủ Vựa Trái cây H và mục đích yêu cầu Tòa án triệu tập chỉ để làm chứng cho lời trình bày của ông. Do đó, Tòa án không đưa ông Lê Tuấn T3 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Cao Lê Tuấn V, ông Nguyễn Tấn P, ông Vũ Văn K có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Công ty Trách nhiệm hữu hạn S yêu cầu ông T1 phải trả số tiền 122.850.000 đồng do ông T1 đã bán hàng nhưng không giao nộp tiền hàng cho Công ty. Căn cứ Công ty khởi kiện là Bảng Doanh số bán hàng từ ngày 01-7 đến ngày 27-7-2019 (gọi tắt là Bảng Doanh số bán hàng) do ông Nguyễn Văn T1 ký tên và Biên bản xử lý vi phạm kỷ luật lao động ngày 23-8-2019. Ông T1 cũng thừa nhận ông ký tên trong Bảng Doanh số bán hàng với số nợ là 139.850.000 đồng, sau đó ông có trả lại Công ty 17.000.000 đồng nên số tiền hiện tại còn nợ là 122.850.000 đồng. Các chủ Vựa trái cây theo Bảng Doanh số bán hàng đã thanh toán xong, không còn nợ công ty. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Ông T1 cho rằng số nợ 122.850.000 đồng là số tiền hàng đã giao cho ông Phan Văn T2 - nhân viên của Vựa Trái cây H nhưng ông T bỏ trốn và không thanh toán tiền hàng nên 04 (bốn) người làm chung tổ trái cây là ông Vũ Văn K, ông Nguyễn Tấn P, ông Cao Lê Tuấn V và ông đã thỏa thuận mỗi người phải chịu trách nhiệm ¼ trên tổng số nợ này nhưng không có chứng cứ chứng minh. Các ông P, ông V, ông K cũng không thừa nhận sự việc này và cho rằng quá trình làm việc mỗi người tự lên đơn hàng, tự giao hàng, tự thu tiền hàng và tự chịu trách nhiệm trên công nợ của mình. Công ty cũng đưa ra được công nợ của riêng từng người trong tổ trái cây gồm: ông V nợ công ty 43.750.000 đồng và đã được Tòa án nhân dân quận G, Thành phố H giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận ngày 17-7-2019; ông P đang bị Công ty khởi kiện và được Tòa án nhận dân

Quận 12, Thành phố H thụ lý giải quyết đối với số tiền nợ 271.880.000 đồng; Ông K nợ 51.050.000 đồng và đã tự thương lượng giải quyết với Công ty xong. Do đó, không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của ông T1.

[7] Từ các nhận định trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty. Buộc ông T1 có nghĩa vụ trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn S số tiền 122.850.000 đồng.

[8] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án năm 2017, ông Nguyễn Văn T1 phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 6.142.500 đồng.

[9] Phát biểu của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35; Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 228, Điều 229, Điều 158, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án năm 2017.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn S đối với ông Nguyễn Văn T1. Buộc ông Nguyễn Văn T1 phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn S 122.850.000 đồng (một trăm hai mươi hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn T1 phải chịu số tiền án phí sơ thẩm là 6.142.500 đồng (Sáu triệu một trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Công ty Trách nhiệm hữu hạn S không phải chịu án phí, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 3.070.000 đồng theo Biên lai thu số 0002196 ngày 23/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B sang thi hành án phí.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ theo quy định tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu HS, Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
THẨM PHÁN

Hồ Thị Miên